

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Ông Lê Minh Chiến

- Thư ký phiên Tòa: Ông Võ Nam Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 180/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 881/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 957/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn L, xã Nhơn P, thị xã A, tỉnh Bình Định

Hiện trú tại: Số nhà 19, thôn 1A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

*** Bị đơn:** Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Nhơn P, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:** Chị và anh Đỗ Văn L có thời

gian tìm hiểu khoảng 01 năm và được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2018, nhưng đến năm 2019 mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn P. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chị ở số nhà 19, thôn 1A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk được một thời gian, sau khi chị sinh con thì vợ chồng chuyển về nhà cha mẹ chồng sống tại Thôn L, xã Nhơn P, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh L không chịu đi làm nên chị khuyên nhủ thì anh L không nghe mà còn mắng chửi và đuổi chị, đến năm 2020 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Sau đó anh L cũng lên nhà cha mẹ chị cùng chung sống nhưng vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn vì vợ chồng sống chung nhưng anh L gia trưởng và nhỏ nhen phân chia mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình, đến nỗi tiền sữa của con anh L cũng chia mỗi người một nửa nên giữa vợ chồng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì anh L lấy cái chết hăm dọa cả gia đình chị làm chị và gia đình rất mệt mỏi và áp lực, đến giữa tháng 4 năm 2021 vợ chồng sống ly thân. Trong khoảng thời gian này anh L cũng nhiều lần đến thăm con năn nỉ quay lại chung sống nhưng chị không đồng ý. Chị xác định không còn tình cảm với anh L và chị cũng không thể tiếp tục chung sống với anh L nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Đỗ Minh K, sinh ngày 22/8/2019 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo bị đơn anh Đỗ Văn L trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện tìm hiểu thời gian khoảng mấy tháng và được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn P. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ vợ ở Đắk Lắk, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Giữa năm 2020 thì vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, tiền bạc, do hai vợ chồng không có công việc ổn định nên thường xuyên cãi nhau, một phần giữa vợ chồng lại khắc khẩu, hễ anh làm sai thì vợ ghim ghút để trong lòng, không tâm sự nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Khoảng tháng 8 năm 2021 thì anh đi làm ở TP.HCM nhưng vợ vẫn hậm hực để trong lòng nên giữa vợ chồng sống không vui vẻ với nhau. Đến cuối năm 2021 thì anh bỏ về sống tại nhà cha mẹ ruột tại Thôn L, xã Nhơn P, thị xã A, tỉnh Bình Định, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh xác định vẫn còn thương vợ nên mong muốn Tòa hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi con, trong trường hợp nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn.

Về con chung: có 01 người con tên Đỗ Minh K sinh ngày 22/8/2019 do chị H nuôi dưỡng. Ly hôn anh đồng ý để con cho chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh K cho chị Nguyễn Thị Thu H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết

4. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đỗ Văn L xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND xã Nhơn P cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Chị H và anh L chung sống đến năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H trình bày nguyên nhân từ việc anh L không lo làm ăn, chị nhiều lần khuyên nhủ thì anh L mắng chửi đũa chĩa chị về nhà cha mẹ ruột chung sống. Ngược lại anh L xác định vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, tiền bạc, do vợ chồng không có công việc ổn định nên

thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau, hơn nữa giữa vợ chồng lại khắc khẩu với nhau hề anh làm sai thì vợ ghim ghút đẽ trong lòng, không tâm sự nên thường hay cãi nhau. Từ những mâu thuẫn mà chị H và anh L trình bày cho thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa hai anh chị thiếu sự chia sẻ, cảm thông và không có tiếng nói chung nên làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Trong quá trình làm việc chị H thể hiện thái độ kiên quyết ly hôn và không yêu cầu Tòa hòa giải còn anh L thì xác định nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý. Xét thấy chị H và anh L có thời gian sống ly thân đã hơn 1 năm nhưng cả hai không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Đỗ Văn L.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh L xác định có 01 người con tên Đỗ Minh K sinh ngày 22/8/2019 hiện do chị H nuôi dưỡng. Trong quá trình làm việc chị H, anh L thống nhất giao cháu Khôi cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng nên công nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005149 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con tên Đỗ Minh K sinh ngày 22/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L không yêu cầu giải quyết.

5- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005149 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

6- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. A
- Chi cục THA TX. A
- UBND xã Nhơn P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ

